

Bản án số: 16/2023/HS-ST  
Ngày: 28-11-2023

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Đoàn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Khuyên.

Ông Sùng A Xà.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Chung, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 25/2023/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST- HS ngày 17 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

**Quàng Văn H (tên gọi khác: Không)**, sinh ngày 20/12/1985, tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản L, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Thủ quỹ Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quàng Văn Ng, sinh năm 1943 (Đã chết) và bà Lò Thị V, sinh năm 1947; có vợ là Lò Thị Ng, sinh năm 1988 (Đã ly hôn) và có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2016; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án và chưa bị xử phạt vi phạm hành chính; bị bắt tạm giam từ ngày 22/6/2023 cho đến nay tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn H:** Bà Trần Thị S, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Lương Thị N, sinh ngày 05/6/1993. Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

2. Ông Quàng Văn C (tên gọi khác Quàng Văn C), sinh ngày 11/02/1972. Địa chỉ: Bản L, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

3. Bà Đinh Thị H, sinh ngày 19/9/1992. Địa chỉ: Bản X, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

4. Ông Quàng Văn T, sinh ngày 14/11/1971. Địa chỉ: Bản L, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

5. Ông Quàng Văn N, sinh ngày 17/9/1978. Địa chỉ: Bản L, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

6. Ông Thào A T, sinh ngày 07/3/1975. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

7. Ông Lò Văn M, sinh ngày 02/9/1984. Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

8. Ông Quàng Văn V, sinh ngày 29/3/1966. Địa chỉ: Bản T, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

9. Ông Thào A C, sinh ngày 02/10/1982. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

10. Ông Nùng Văn H, sinh ngày 09/01/1985. Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

11. Ông Quàng Văn Ch, sinh ngày 19/9/1971. Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

12. Ông Giàng A L, sinh ngày 07/3/1983. Địa chỉ: Bản G, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

13. Ông Cứ A L, sinh ngày 02/9/1986. Địa chỉ: Bản P, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

14. Ông Lò V, sinh ngày 22/4/1974. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

15. Ông Quàng Văn Ch, sinh ngày 09/01/1985. Địa chỉ: Bản X, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

16. Ông Quàng Văn T, sinh ngày 05/5/1974. Địa chỉ: Bản L, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

17. Ông Lò Văn G, sinh ngày 07/10/1972. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

18. Ông Thào A H, sinh ngày 12/10/1988. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

19. Ông Giàng A L, sinh ngày 28/11/1967. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

20. Ông Sìn Văn D, sinh ngày 03/3/1975. Địa chỉ: Bản T, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

21. Ông Sùng A Ch, sinh ngày 20/6/1985. Địa chỉ: Bản P, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

22. Bà Đinh Thị L, sinh ngày 15/6/1984. Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

23. Bà Cà Thị T, sinh ngày 15/8/1984. Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

24. Ông Quàng Văn D, sinh ngày 12/3/1987. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

25. Ông Sùng A V, sinh ngày 21/12/1992. Địa chỉ: Bản P, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

26. Ông Giàng A Kh, sinh ngày 11/9/1994. Địa chỉ: Bản G, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

27. Ông Giàng A Th, sinh ngày 20/7/1990. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

28. Ông Lò Duy H, sinh ngày 01/02/1989. Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

29. Ông Quàng Văn T, sinh ngày 22/9/1992. Địa chỉ: Bản T, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

30. Ông Thào A D, sinh ngày 10/01/1984. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

31. Ông Lò Văn K, sinh ngày 01/9/1985. Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

32. Ông Quàng Văn T, sinh ngày 11/9/1990. Địa chỉ: Bản X, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

33. Ông Lò Văn K, sinh ngày 15/3/1992. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

34. Ông Mào Văn Q, sinh ngày 04/5/1985. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

35. Ông Quàng Văn D, sinh ngày 11/3/1986. Địa chỉ: Bản L, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

36. Ông Giàng A D, sinh ngày 17/7/1983. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

37. Ông Điều Chính Th, sinh ngày 02/9/1982. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

38. Bà Lò Thị O, sinh ngày 13/02/1991. Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

39. Ông Thào A M, sinh ngày 07/3/1997. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

40. Bà Quàng Thị N, sinh ngày 28/8/1984. Địa chỉ: Bản L, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

41. Bà Quàng Thị H, sinh ngày 18/9/1995. Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

42. Bà Lò Thị Q, sinh ngày 01/02/1986. Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

43. Ông Quàng Văn Th, sinh ngày 10/3/1984. Địa chỉ: Bản T, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

44. Ông Lò Văn N, sinh ngày 20/8/1994. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

45. Ông Lò Văn C, sinh ngày 21/10/1993. Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

46. Ông Nùng Văn Th, sinh ngày 15/5/1992. Địa chỉ: Bản N, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

47. Ông Lò Văn Th, sinh ngày 30/12/1991. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

48. Ông Quàng Văn M, sinh ngày 20/7/1990. Địa chỉ: Bản M, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

49. Ông Thào A B, sinh ngày 31/7/1999. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

50. Ông Quàng Văn T, sinh ngày 20/6/1983. Địa chỉ: Bản X, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

51. Ông Giàng A Tr, sinh ngày 27/7/2001. Địa chỉ: Bản Pú, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

52. Ông Thào A T, sinh ngày 20/6/1996. Địa chỉ: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

53. Ông Lò Văn B, sinh ngày 10/3/1988. Địa chỉ: Bản T, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt tại phiên tòa – Có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 24/11/2023).

- *Nguyên đơn dân sự*: Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Địa chỉ trụ sở: Bản M, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên: Ông Quàng Văn C – Chức vụ: Chủ tịch UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thực hiện Thông tư số 190/2014/TT-BTC ngày 11/12/2014 của Bộ Tài chính quy định thực hiện chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội và Văn bản số 12469/BTC-NSNN ngày 19/10/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn hình thức cấp phát, quyết toán kinh phí hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội. Ngày 12/7/2022, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1292/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ

hộ nghèo, hộ chính sách xã hội tiền điện Quý I, II năm 2022 thuộc các xã, thị trấn huyện T, trong đó UBND xã M được phê duyệt 717 hộ được hưởng chính sách với tổng số tiền là 235.565.000 đồng. Ngày 04/11/2022, UBND huyện T ban hành Quyết định số 1955/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ nghèo, hộ chính sách xã hội tiền điện Quý III năm 2022 thuộc các xã, thị trấn huyện T và ngày 31/12/2022, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2194/QĐ-UBND về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ hộ nghèo, hộ chính sách xã hội tiền điện Quý IV năm 2022 thuộc các xã, thị trấn huyện T, theo đó mỗi quý xã M đều được phê duyệt 717 hộ được hưởng chính sách với số tiền là 117.590.000 đồng, tổng số tiền quý III và IV là 235.180.000 đồng.

Căn cứ các Quyết định số 1292/QĐ-UBND, số 1955/QĐ-UBND và số 2194/QĐ-UBND của UBND huyện T, Quảng Văn C - Chủ tịch UBND xã M đã ký ban hành các Quyết định số 187/QĐ-UBND ngày 16/8/2022, số 295/QĐ-UBND ngày 08/12/2022 và số 333/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 về việc chi hỗ trợ tiền điện quý I, II, III, IV năm 2022 đối với hộ nghèo, hộ bảo trợ xã hội không thuộc diện hộ nghèo, kèm theo danh sách 717 hộ dân để tổ chức thực hiện chi trả. Lương Thị N - Kế toán UBND xã M lập các giấy rút dự toán ngân sách trình Quảng Văn C phê duyệt gửi Kho bạc nhà nước huyện T để tạm ứng nguồn kinh phí hỗ trợ tiền điện đã được ủy quyền trước đó để tiến hành chi trả, cụ thể:

Ngày 30/8/2022, Quảng Văn C, Lương Thị N ký Giấy rút dự toán Ngân sách nhà nước số 220830\_1031855\_2764001 tạm ứng tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội Quý I, II năm 2022 với số tiền là 235.565.000 đồng, cùng ngày, Kho bạc nhà nước huyện T duyệt tạm ứng. Ngày 12/12/2022, Quảng Văn C, Lương Thị N ký Giấy rút dự toán ngân sách nhà nước số 221212\_1031855\_2764015 tạm ứng tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội Quý III năm 2022 với số tiền 117.590.000 đồng, ngày 13/12/2022, Kho bạc nhà nước huyện T duyệt tạm ứng. Ngày 13/01/2023, Quảng Văn C, Lương Thị N ký Giấy rút dự toán Ngân sách nhà nước số 230113\_1031855\_2764005 tạm ứng tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách xã hội Quý IV năm 2022 với số tiền 117.590.000 đồng, cùng ngày, Kho bạc nhà nước huyện T duyệt chi bằng hình thức thực chi. Sau khi được Kho bạc nhà nước huyện T duyệt chi, Lương Thị N thông báo cho Quảng Văn H - Thủ quỹ đến Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T để rút tiền mặt về nhập quỹ tiền mặt của xã.

Ngày 13/9/2022, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T tiến hành chi số tiền 235.565.000 đồng cho Quảng Văn H theo chứng từ giao dịch số bút toán 38, sau khi nhận tiền, H cầm tiền về UBND xã báo cho Lương Thị N, N đã in phiếu thu, phiếu chi, trình Quảng Văn C ký để tiến hành nhập quỹ, đồng thời xuất quỹ toàn bộ số tiền 235.565.000 đồng để ủy quyền cho H chi tiền. Ngày 13/12/2022, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T tiến hành chi số tiền 117.590.000 đồng cho Quảng Văn H theo chứng từ giao dịch số bút toán 309, sau khi nhận tiền, H cầm tiền về UBND xã báo cho Lương Thị N, N đã in phiếu thu, phiếu chi, trình Quảng Văn C ký để tiến hành nhập quỹ, đồng thời xuất quỹ toàn bộ số tiền 117.590.000 đồng để ủy quyền cho H chi tiền. Ngày 13/01/2023, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

huyện T tiến hành chi số tiền 117.590.000 đồng cho Quàng Văn H theo chứng từ giao dịch số bút toán 227, sau khi nhận tiền, H cầm tiền về UBND xã báo cho Lương Thị N, N đã in phiếu thu, phiếu chi, trình Quàng Văn C ký để tiến hành nhập quỹ, đồng thời xuất quỹ toàn bộ số tiền 117.590.000 đồng để ủy quyền cho H chi tiền. Căn cứ theo danh sách các hộ dân của xã M đã được UBND huyện T phê duyệt trước đó, Đinh Thị H - Công chức Văn hóa xã M đã lập danh sách các hộ dân được hưởng chính sách hỗ trợ tách theo từng bản, gửi đến Phòng Lao động - Thương binh và xã hội huyện T xin xác nhận rồi đưa cho Quàng Văn H để H chi trả. Sau khi giao tiền cho H, để thanh toán tạm ứng với Kho bạc nhà nước huyện T theo các giấy rút dự toán trước đó, Lương Thị N nhiều lần gọi hỏi, đôn đốc, yêu cầu H chuyển chứng từ (danh sách phát tiền do Đinh Thị H lập) thì đều được H trả lời là đã phát tiền cho các Trưởng bản để chi trả, tuy nhiên các Trưởng bản báo lại là có một số hộ dân đi làm ăn xa, chưa phát được hết nên chưa có đủ chữ ký. Sau khi được giao số tiền 470.745.000 đồng kinh phí hỗ trợ tiền điện năm 2022 theo các phiếu chi của UBND xã M và nhận danh sách từ Đinh Thị H, trong đó quý I + II nhận từ tháng 9/2022, quý III nhận từ tháng 12/2022 và quý IV nhận từ tháng 01/2023, H không thực hiện chi trả cho người dân mà sử dụng toàn bộ đầu tư vào kinh doanh đồng tiền ảo Bitcoin trên mạng, nạp thẻ điện tử vào các trò chơi trực tuyến như đánh phỏm, tiền lên, bắt cá... và chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 27/9/2019, UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quyết định số 33/2019/QĐ-UBND về giao số lượng cán bộ, công chức cấp xã và quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, bản, tổ dân phố, mức khoán kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã; mức bồi dưỡng người trực tiếp tham gia công việc của thôn, bản, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên. Căn cứ số lượng cán bộ thôn bản của UBND xã M, UBND huyện T tiến hành giao dự toán năm 2023 cho UBND xã M để thực hiện chi trả chế độ phụ cấp cho các đối tượng gồm: Bí thư chi bộ bản, Trưởng bản, Công an viên, Trưởng ban công tác mặt trận bản, Thôn đội trưởng (tiểu đội trưởng). Để thực hiện chi trả tiền phụ cấp tháng 3/2023, ngày 08/3/2023, Lương Thị N lập và trình Quàng Văn C ký Giấy rút dự toán Ngân sách nhà nước số 230308\_1031855\_2764004, tạm ứng phụ cấp cho cán bộ không chuyên trách cấp bản tháng 3/2023 với tổng số tiền là 92.588.600 đồng. Cùng ngày, Kho bạc nhà nước huyện T duyệt tạm ứng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện T tiến hành chi số tiền 92.588.600 đồng cho Quàng Văn H theo chứng từ giao dịch số bút toán 94. Để thực hiện việc nhập quỹ, xuất quỹ tiền mặt, Lương Thị N trình Quàng Văn C ký phiếu thu số 0011 để nhập quỹ số tiền 92.588.600 đồng; đồng thời N cũng trình Quàng Văn C ký phiếu chi số PC13, giao cho H toàn bộ số tiền 92.588.600 đồng và danh sách để chi phụ cấp cho các cán bộ thôn bản. Sau khi được giao tiền, Quàng Văn H không chi trả đầy đủ cho các đối tượng được thụ hưởng: Đối với phụ cấp Trưởng bản: H trả đủ cho Lò Văn M - Bản M, Quàng Văn Ch - Bản M, Lò Văn G - Bản H, Quàng Văn V - Bản T; Trả một phần cho Thào A T - Bản H (đã trả 500.000 đồng, chưa trả 1.586.000 đồng), Thào A C - Bản H (đã trả 1.800.000 đồng, chưa trả 286.000 đồng), số tiền H đã chi trả là 10.644.000 đồng, số tiền

chưa trả là 14.388.000 đồng. Đối với phụ cấp Bí thư chi bộ bản, H trả đủ cho Cà Văn Ư - Bản X, Điều Chính T - Bản H, Lành Văn D - Bản L 1, Nùng Văn T - Bản N, Giàng A C - Bản G; Trả một phần cho Thảo A H - Bản H (đã trả 1.000.000 đồng, chưa trả 1.086.000 đồng), số tiền H đã chi trả là 11.430.000 đồng, số tiền chưa trả là 13.602.000 đồng. Đối với phụ cấp Trưởng ban công tác Mặt trận: H trả đủ cho Đoàn Văn B - Bản Xuân T, Cà Văn Tr - Bản H, Giàng A V - Bản P, Giàng A K - Bản G, số tiền H đã chi trả là 7.152.000 đồng, số tiền chưa trả là 14.304.000 đồng. Đối với phụ cấp Công an viên: H trả đủ cho Quàng Văn D - Bản L và Lò Văn P - Bản N, số tiền H đã chi trả là 1.490.000 đồng, số tiền chưa trả là 7.450.000 đồng. Đối với phụ cấp Dân quân: H trả đủ cho Giàng A T - Tiểu đội trưởng G, Lò Văn Q - Khẩu đội trưởng, Giàng A V - Thôn đội trưởng bản G, Quàng Văn H - Thôn đội trưởng Bản L, số tiền H đã chi trả là 2.294.600 đồng, số tiền chưa trả là 9.834.000 đồng. Tổng số tiền chưa chi trả là 59.578.000 đồng H cũng sử dụng toàn bộ vào đầu tư đồng tiền ảo, nạp thẻ điện tử và chi tiêu cá nhân hết.

Đến đầu tháng 4/2023, sau khi có một số Trưởng bản đến gặp Lương Thị N để hỏi về việc tại sao đến nay UBND xã M chưa chi trả chế độ hỗ trợ tiền điện cho người dân của năm 2022, Lương Thị N đã báo cáo với Quàng Văn C - Chủ tịch UBND xã về sự việc này. Quàng Văn C đã chỉ đạo Lương Thị N tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt để làm rõ sự việc. Ngày 11/4/2023, đại diện Đảng ủy - HĐND xã, gồm có: Quàng Văn N - Bí thư Đảng ủy xã, Nùng Thị Thu H - Phó Chủ tịch HĐND xã; đại diện UBND xã, gồm có: Quàng Văn C - Chủ tịch UBND xã, Nùng Văn V - Phó Chủ tịch UBND xã, Lương Thị N - Kế toán xã, Lò Thị D, Cà Thị T - Văn phòng - Thống kê xã, Đinh Thị H - Văn hóa, xã hội xã; đại diện Khối đoàn thể, gồm có: Lò Văn P - Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc xã, Lò Văn B - Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã, Lò Thị Ư - Chủ tịch HPN xã và Quàng Thị M - Bí thư Đoàn thanh niên xã đã cùng với Quàng Văn H tiến hành kiểm tra quỹ tiền mặt thì phát hiện Quàng Văn H chưa chi trả kinh phí hỗ trợ tiền điện năm 2022, tiền phụ cấp tháng 3/2023 và thực tế trong quỹ tiền mặt không còn đồng nào. Sau khi bị phát hiện H chưa chi trả tiền hỗ trợ tiền điện và tiền phụ cấp tháng 2/2023 cho cán bộ không chuyên trách cấp bản nhưng tiền trong quỹ đã hết, H giải thích là đã làm mất tiền nhưng không nói rõ làm mất như thế nào. Tin vào lời nói của H là làm mất tiền nên các thành viên tham gia thống nhất yêu cầu H phải khắc phục để chi trả tiền hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội từ quý I - II/2022 và tiền phụ cấp tháng 03/2023 trước ngày 25/4/2023. Đến tháng 6/2023, phải chi trả đầy đủ tiền điện hỗ trợ hộ nghèo, hộ chính sách xã hội quý III - IV/2022, Quàng Văn H chấp hành và cam kết sẽ khắc phục sớm nên sự việc không được báo cáo đến các cơ quan chức năng. Ngày 20/4/2023, Quàng Văn H nói với anh trai là Quàng Văn T đã làm mất tiền hỗ trợ tiền điện, nhờ T bán trâu bò để khắc phục trước một phần tiền cho các hộ dân. T bán trâu, bò và vay mượn được 95.000.000 đồng, đưa cho Đinh Thị H nhờ trả trước một phần tiền hỗ trợ tiền điện cho người dân, số còn lại sẽ viết giấy nhận nợ, chậm nhất đến tháng 10/2023 sẽ trả và được Đinh Thị H đồng ý giúp. Đinh Thị H đã chi trả đủ 12 hộ chính sách xã hội cho các trưởng bản và đưa danh sách cho các trưởng bản, còn lại 704 hộ nghèo thì chi trả trước



130.000 đồng/hộ, tổng chi **94.445.000 đồng**, số tiền còn lại là 555.000 đồng, Đinh Thị H trả lại cho T đồng thời Đinh Thị H soạn thảo giấy nhận nợ nhưng để trống mục tên trưởng bản, số tiền chi, số tiền nợ để viết tay sau rồi cho Quảng Văn T ký trước vào mục người nhận nợ.

Tại bản Cáo trạng số: 116/CT-VKS-P1 ngày 15/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố Quảng Văn H để xét xử về tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Quảng Văn H phạm tội Tham ô tài sản.

- Về trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Quảng Văn H: Áp dụng điểm a Khoản 3 Điều 353 và điểm b, s, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Quảng Văn H mức án từ 07 (bảy) năm đến 08 (tám) năm tù về tội Tham ô tài sản.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo H.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo H phải bồi thường cho Nhà nước số tiền 530.323.000 đồng. Ghi nhận việc bị cáo H phối hợp với gia đình đã nộp đủ số tiền 530.323.000 đồng. Trong đó đã hoàn trả cho người dân 94.445.000 đồng, hoàn trả số tiền 435.878.000 đồng cho Ủy ban nhân dân xã M để chi trả tiền điện cho hộ nghèo và hộ chính sách xã hội quý I, II, III, IV năm 2022 và chi trả tiền phụ cấp tháng 3/2023 cho Trưởng bản, Bí thư, Trưởng ban công tác mặt trận, Công an viên, dân quân.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 để xử lý vật chứng.

+ Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A51, vỏ màu đen, 01 Sim nhãn hiệu 4G Viettel và 01 thẻ nhớ microSD màu đen; số tiền 122.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quảng Văn H.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên, không khiếu nại các quyết định hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Thực hiện lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Quảng Văn H không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, tự nguyện khắc phục toàn bộ hậu quả, quá trình công tác bị cáo được UBND xã M tặng Giấy khen, bị cáo là người

khuyết tật nặng (cụt chân trái). Bị cáo có bố đẻ là ông Quảng Văn Ng là thương binh 4/4, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất, hạng nhì, Huy chương cựu chiến binh Việt Nam, Bằng khen của Bộ lao động thương binh và xã hội, Giấy khen của Ủy ban nhân dân huyện T, có mẹ đẻ bà Lò Thị V là người khuyết tật nặng nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, s, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình và xã hội. Do điều kiện kinh tế bị cáo gặp nhiều khó khăn, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo nên đề nghị không áp dụng Khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Quảng Văn C, đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên trình bày: Tháng 4/2023, sau khi phát hiện sự việc, ông C đã chỉ đạo Lương Thị N tiến hành kiểm kê quỹ tiền mặt để làm rõ sự việc và tổ chức họp đề nghị Quảng Văn H trình bày rõ sự việc. Việc bị cáo Quảng Văn H tham ô tài sản đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra làm rõ, Quảng Văn T (anh trai của bị can H) đã nhờ Đinh Thị H chi trả cho các hộ dân được hưởng chế độ hỗ trợ tiền điện năm 2022 với số tiền là 94.445.000 đồng và bị cáo đã cùng với gia đình tự nguyện nộp số tiền là 436.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Điện Biên để hoàn trả số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

#### **[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo:**

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng và luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra được ghi nhận tại biên bản sự việc, kết luận giám định và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng có đủ căn cứ xác định:

Bị cáo Quảng Văn H được tuyển dụng vào Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên ngày 22/6/2010 và được phân công làm thủ quỹ của Ủy ban nhân dân xã M với nhiệm vụ là quản lý, theo dõi tình hình nhập, xuất quỹ tiền mặt ở xã, các loại quỹ và các khoản tiền mặt khác của xã M, huyện T như quỹ trẻ thơ, quỹ khuyến học, quỹ đền ơn, quỹ người cao tuổi... Lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao, H đã đến Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T để rút số tiền 235.565.000 đồng vào ngày 13/9/2022, rút số tiền 117.590.000 đồng vào ngày 13/12/2022 và rút số tiền 117.590.000 đồng vào ngày 13/01/2023 về để chi trả cho hộ nghèo được hưởng tiền điện hỗ trợ. Đầu tháng 3/2023, H đã đến Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện T để rút số tiền 92.588.600 đồng về chi trả cho cá nhân được hưởng chế độ phụ cấp. Nhưng bị cáo Quảng Văn H mới phát tiền chi trả 33.010.600 đồng tiền phụ cấp chế độ. Còn lại số tiền 470.745.000 đồng tiền điện

hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ chính sách xã hội và số tiền 59.578.000 đồng tiền phụ cấp chế độ, H vẫn chưa chi trả mà đã chiếm đoạt số tiền còn lại trên.

**Số tiền bị cáo Quàng Văn H chiếm đoạt của UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên để chi trả tiền phụ cấp cho cán bộ thôn/bản, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên là 59.578.000 đồng, cụ thể như sau:**

STT	Họ và tên	Thôn/bản	Số tháng bị chiếm đoạt	Phụ cấp hàng tháng được hưởng (đồng)	Số tiền phải trả lại (đồng)	Ghi chú
<b>Danh sách Bí thư chi bộ</b>						
1	Đình Thị L	M	1	2.086.000	2.086.000	
2	Cà Thị T	M	1	2.086.000	2.086.000	
3	Quàng Văn D	H	1	2.086.000	2.086.000	
4	Sin Văn D	T	1	2.086.000	2.086.000	
5	Giàng A L	H	1	2.086.000	2.086.000	
6	Sùng A Ch	P	1	2.086.000	2.086.000	
7	Thào A H	H	1	2.086.000	1.086.000	H đã trả trước 1.000.000 đồng
<b>Danh sách Trưởng bản</b>						
8	Quàng Văn Ch	X	1	2.086.000	2.086.000	
9	Lò Văn H	H	1	2.086.000	2.086.000	
10	Quàng Văn Th	Bản L	1	2.086.000	2.086.000	
11	Cứ A L	P	1	2.086.000	2.086.000	
12	Giàng A L	G	1	2.086.000	2.086.000	
13	Nùng Văn H	N	1	2.086.000	2.086.000	
14	Thào A T	H	1	2.086.000	1.586.000	H đã trả trước 500.000 đồng
15	Thào A Ch	H	1	2.086.000	286.000	H đã trả trước 1.800.000 đồng
<b>Danh sách Trưởng ban công tác mặt trận</b>						
16	Quàng Thị H	M	1	1.788.000	1.788.000	
17	Lò Thị Q	M	1	1.788.000	1.788.000	

18	Quàng Thị N	Bản L	1	1.788.000	1.788.000	
19	Lò Thị O	N	1	1.788.000	1.788.000	
20	Quàng Văn Th	T	1	1.788.000	1.788.000	
21	Giàng A D	H	1	1.788.000	1.788.000	
22	Thào A M	H	1	1.788.000	1.788.000	
23	Điêu Chính Th	H	1	1.788.000	1.788.000	
<b>Danh sách Công an viên</b>						
24	Lò Văn K	M	1	745.000	745.000	
25	Lò Duy H	M	1	745.000	745.000	
26	Quàng Văn T	X	1	745.000	745.000	
27	Mào Văn Q	H	1	745.000	745.000	
28	Lò Văn K	H	1	745.000	745.000	
29	Quàng Văn T	T	1	745.000	745.000	
30	Giàng A Th	H	1	745.000	745.000	
31	Sùng A V	P	1	745.000	745.000	
32	Giàng A Kh	G	1	745.000	745.000	
33	Thào A D	H	1	745.000	745.000	
<b>Danh sách dân quân bị Quàng Văn H chiếm đoạt tiền</b>						
34	Quàng Văn T	X	1	298.000	298.000	
35	Lò Văn N	H	1	149.000	149.000	
36	Giàng A Tr	P	1	923.800	923.800	
37	Thào A T	H	1	923.800	923.800	
38	Nùng Văn Th	N	1	923.800	149.000	
39	Thào A B	H	1	923.800	923.800	
40	Quàng Văn T	X	1	923.800	923.800	
41	Lò Văn Th	H	1	923.800	923.800	
42	Lò Văn C	M	1	923.800	923.800	
43	Quàng Văn M	M	1	923.800	923.800	
44	Nùng Văn Th	N	1	923.800	923.800	
45	Quàng Văn D	H	1	923.800	923.800	

46	Lò Văn B	T	1	923.800	923.800	
<b>TỔNG SỐ TIỀN CHIẾM ĐOẠT</b>					<b>59.578.000</b>	
					<b>đồng</b>	

*Số tiền bị cáo Quàng Văn H chiếm đoạt số tiền của UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên để hỗ trợ tiền điện năm 2022 của 717 hộ nghèo, hộ chính sách xã hội không thuộc diện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới là 470.745.000 đồng* (Danh sách chi tiết số tiền hỗ trợ tiền điện năm 2022 của từng hộ nghèo, hộ chính sách xã hội không thuộc diện hộ nghèo và sống ở vùng chưa có điện lưới trong các quý I, II, III, IV trên địa bàn xã M, huyện T được phê duyệt tại các Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 12/7/2022; Quyết định số 1955/QĐ-UBND ngày 04/11/2022; Quyết định số 2194/QĐ-UBND 31/12/2022 của UBND huyện T).

Tổng số tiền bị cáo H đã chiếm đoạt của Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên là **530.323.000 đồng**. Số tiền chiếm đoạt được, H đã sử dụng để chơi tiền ảo Bitcoin, đánh bạc trên mạng (chơi cá cược, tiến lên, đánh phỏm, sóc đĩa, bắt cá...), mỗi lần chuyển tiền mua điểm để đánh bạc từ 20 triệu đồng đến 40 triệu đồng; đồng thời bị cáo còn chi tiêu vào mục đích cá nhân.

Hành vi chiếm đoạt số tiền 530.323.000 đồng của bị cáo Quàng Văn H đã xâm phạm vào sự hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, xâm phạm vào sở hữu tài sản của Nhà nước, gây thiệt hại nghiêm trọng tài sản của Nhà nước.

Do đó, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Hành vi của bị cáo Quàng Văn H đã phạm vào tội “*Tham ô tài sản*” theo quy định tại Điều 353 Bộ luật Hình sự.

*Về tình tiết định khung hình phạt:* Hành vi tham ô số tiền 530.323.000 đồng của bị cáo Quàng Văn H đã vi phạm tình tiết định khung được quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

**[2] Xét về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:**

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bị bắt, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, tự nguyện phối hợp với gia đình khắc phục toàn bộ hậu quả, quá trình công tác bị cáo được Ủy ban nhân dân xã M tặng Giấy khen, bị cáo là người khuyết tật nặng (cụt chân trái). Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là ông Quàng Văn Ng là thương binh 4/4, được tặng thưởng Huy chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước hạng nhất, hạng nhì, Huy chương cựu chiến binh Việt Nam, Bằng khen của Bộ lao động thương binh và xã hội, Giấy khen của Ủy ban nhân dân huyện T, có mẹ đẻ bà Lò Thị V là người khuyết tật nặng nên Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm b, s, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Mặc dù ngoài lần phạm tội này bị cáo Quàng Văn H chưa bị xét xử về tội danh nào khác, chưa bị xử lý hành chính. Song bị cáo là người am hiểu pháp luật

nắm vững các quy định về việc xuất, nhập tiền, phát tiền chi trả nhưng chỉ vì muốn có tiền để đánh bạc và chi dùng cá nhân; bị cáo đã chiếm đoạt tiền của Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên và hành vi của bị cáo là rất nghiêm trọng. Do vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Quàng Văn H. Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên và người bào chữa cho bị cáo về mức hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ để chấp nhận.

### **[3] Về hình phạt bổ sung:**

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 353 Bộ luật Hình sự:

*“5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.*

Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo Quàng Văn H tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có tài sản riêng có giá trị, năm 2022 gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Quàng Văn H.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, bị cáo và người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn H đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là có căn cứ chấp nhận.

### **[4] Về trách nhiệm dân sự:**

Đối với số tiền 530.323.000 đồng bị cáo Quàng Văn H chiếm đoạt của Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên, theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự thì bị cáo Quàng Văn H phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên để hoàn trả cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên để xử lý theo quy định của pháp luật. Bị cáo đã tác động để anh trai bị cáo là Quàng Văn T đưa số tiền 94.445.000 đồng cho Đinh Thị H nhờ trả trước một phần tiền hỗ trợ tiền điện cho người dân; tác động để anh trai Quàng Văn N và chị dâu Lò Thị B nộp số tiền là 436.000.000 đồng vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Điện Biên để khắc phục hậu quả cho bị cáo Quàng Văn H. Bị cáo Quàng Văn H đã khắc phục được toàn bộ thiệt hại.

Đối với số tiền 435.878.000 đồng trong tài khoản số 3949.0.1011953 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Điện Biên cần hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên để xử lý theo quy định của pháp luật. Số tiền còn lại 122.000 đồng trả lại cho bị cáo Quàng Văn H.

**[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo Quàng Văn H những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, nguyên đơn dân sự không có ý kiến hoặc khiếu nại**

về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

**[6] Về vật chứng vụ án:** Theo quy định tại Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, số vật chứng đã thu giữ của bị cáo cần xử lý như sau:

- Trả lại cho bị cáo Quàng Văn H 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A51, vỏ màu đen; số IMEI 1: 352353112280984; số IMEI 2: 352354112280982, bên trong gắn: 01 (một) SIM nhãn hiệu 4G Viettel có dãy số 898404800063169756; 01 (một) thẻ nhớ microSD màu đen, nhãn hiệu Kingston, dung lượng 128 GB.

**[7] Về án phí:** Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm d Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quàng Văn H.

**[8] Về các vấn đề khác:**

Đối với Lương Thị N , Quàng Văn C, Đinh Thị H, Quàng Văn T không biết việc Quàng Văn H thực hiện hành vi tham ô tài sản nên không đề cập xử lý trong vụ án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự.

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Quàng Văn H phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

**2. Về hình phạt:** Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 353; điểm b, s, p khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự:

- Xử phạt bị cáo Quàng Văn H 07 (Bảy) năm tù.

- Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/6/2023.

**3. Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586 và Điều 589 Bộ luật Dân sự.

- Ghi nhận sự tự nguyện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Quàng Văn N đã nộp tổng số tiền là 436.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi sáu triệu đồng) theo giấy nộp tiền ngày 14/8/2023 và ngày 25/9/2023 vào tài khoản tạm giữ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Điện Biên.

- Hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên số tiền 435.878.000 đồng trong tài khoản số 3949.0.1011953 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Điện Biên để xử lý theo quy định của pháp luật. Số tiền còn lại 122.000 đồng trả lại cho bị cáo Quàng Văn H.

**4. Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo Quàng Văn H 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A51, vỏ màu đen; số IMEI 1: 352353112280984; số IMEI 2: 352354112280982, bên trong gắn: 01 (một) SIM nhãn hiệu 4G Viettel có dãy số 8984048000063169756; 01 (một) thẻ nhớ microSD màu đen, nhãn hiệu Kingston, dung lượng 128 GB.

*(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 16/11/2023).*

**5. Về án phí:** Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Quàng Văn H.

**6. Về quyền kháng cáo đối với bản án:** Căn cứ vào các Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo có quyền kháng cáo bản án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến việc bồi thường thiệt hại lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/11/2023).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ lên Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã nơi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cư trú.

**Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên (PC03);
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Nguyên đơn dân sự;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Điện Biên;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- UBND xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên (Thông báo);
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Nguyễn Trọng Đoàn**